

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864 /QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình : LUẬT KINH TẾ
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Ngành đào tạo : Luật Kinh tế - Mã số: 52380107
- Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo cử nhân Luật Kinh tế:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước; có sức khỏe tốt; có những kỹ năng làm việc tốt; có kiến thức về pháp luật, thực tiễn hoạt động pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước;
- Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng tự học nâng cao trình độ, tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế có thể làm việc ở các cơ quan nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý, doanh nghiệp, hay các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên ba nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

##### \* Kiến thức

- Có kiến thức chung, căn bản thuộc chuẩn trình độ đại học của một cử nhân: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên,

khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ phù hợp với ngành đào tạo đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn;

- Có sự hiểu biết rộng và vững về cơ sở ngành Luật, có kiến thức nền tảng về luật nội dung các lĩnh vực pháp luật chung như Hiến pháp, luật hành chính, hình sự, dân sự, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động, đất đai và pháp luật về tố tụng, đồng thời chuyên sâu hơn trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như luật sở hữu trí tuệ, luật cạnh tranh, luật thuế, luật bảo hiểm, luật đầu tư, chứng khoán... để vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý trong công việc và cuộc sống.

- Bên cạnh đó chương trình cũng cung cấp những kiến thức cơ bản và phù hợp về kinh tế, kế toán, tài chính doanh nghiệp để bổ trợ thêm kiến thức cho người học.

**\* Kỹ năng**

- Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng ứng dụng các kiến thức pháp luật trong công việc và trong đời sống;

- Được trang bị những kỹ năng nghiên cứu, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến hoạt động pháp lý; nhận diện được các vấn đề nảy sinh và đưa ra các quyết định phù hợp trong suốt quá trình làm việc;

- Được trang bị những kỹ năng mềm trong suốt quá trình học tập: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng – đàm phán, kỹ năng tư duy pháp lý ...;

- Có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ cho công việc;

- Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm vi tính văn phòng;

- Được rèn luyện và trau dồi kỹ năng tự học phục vụ cho nhu cầu cập nhật kiến thức đáp ứng yêu cầu công tác và có thể học lên các bậc học cao hơn.

**\* Khả năng thích nghi**

- Sinh viên có thể hòa nhập nhanh chóng với môi trường văn hóa ở nơi làm việc;
- Chấp nhận và dễ dàng đáp ứng nhanh với những thay đổi môi trường công tác;
- Có thể thích nghi nhanh với điều kiện làm việc và môi trường làm việc năng động.

**\* Năng lực dẫn dắt và làm việc nhóm**

- Sinh viên có năng lực dẫn dắt và phân công nhóm làm việc hiệu quả;
- Có thể xử lý và giải quyết những vấn đề trong khi làm việc nhóm;

**\* Thái độ**

- Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
- Có thái độ tốt và việc làm ủng hộ và bảo vệ sự công bằng; cảm nhận và kiến tạo công lý; tôn trọng pháp luật trong đời sống và công việc hằng ngày;
- Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;
- Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và hợp tác;
- Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội;

**1.3. Mục tiêu về nơi làm việc, vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**

Chương trình đào tạo ngành Luật nhằm hướng người học sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

**\* Cơ quan nhà nước:**

- Các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội;
- Các cơ quan của Quốc hội; Hội đồng Nhân dân các cấp;
- Ủy ban Nhân dân các cấp;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, sở, phòng, ban chuyên môn tại các tỉnh/thành phố, quận/huyện;

Tại các đơn vị trên, người tốt nghiệp có thể làm việc ở các vị trí như: Chuyên viên, quản lý tại các bộ phận nhân sự, chính sách, pháp luật, tuyên truyền pháp luật:

- Tòa án nhân dân các cấp: Thư ký, thẩm phán;
- Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Kiểm sát viên;
- Cơ quan thi hành án các cấp: Chấp hành viên;
- Công an nhân dân các cấp: Công an trong các lĩnh vực.

*Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Luật kinh tế CLC*

**\* Các tổ chức tư vấn luật hoặc doanh nghiệp:**

- Các trung tâm cung cấp các dịch vụ tư vấn luật (văn phòng Luật sư, công ty luật,...):

Luật sư, chuyên viên tư vấn pháp lý hoặc/và tranh tụng;

- Doanh nghiệp: Chuyên viên pháp lý, luật sư công ty.

**\* Các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và đào tạo có liên quan:**

Người tốt nghiệp có thể làm nghiên cứu viên, giảng viên, giáo viên dạy luật tại:

- Các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp;
- Các trung tâm đào tạo nghề...

**1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:**

- Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế chất lượng cao có chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế chất lượng cao có năng lực tương đương trình độ A Tin học

**2. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo của chương trình được thiết kế là 4 năm với 11 học kỳ.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là **146** tín chỉ, không bao gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng (8 tín chỉ).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007,

được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 6/8/2014 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

## 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 6/8/2014 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

## 6. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

## 7. Nội dung chương trình

STT	Môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
7.1	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>50</b>	<b>49</b>	<b>1</b>	
7.1.1	<b>Lý luận Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin Phần 1	POLI1201	2	2	0	
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin Phần 2	POLI2302	3	3	0	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0	

4	Đường lối CM của Đảng Cộng Sản Việt Nam		POLI2301	3	3	0	
<b>7.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội - nhân văn - nghệ thuật<sup>1</sup></b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	
5	Kỹ năng học tập		EDUC1201	2	2	0	Đạt/không đạt
6	Chuyên đề kỹ năng		GLAW4102	1	0	1	Đạt/không đạt
	<b>Chọn 1 trong 3 môn sau<sup>1</sup>:</b>						
7	Tâm lý học đại cương		SOCII201	2	2	0	
8	Xã hội học đại cương		SOCII301	3	3	0	
9	Quản trị học		BADM1301	3	3	0	
<b>7.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>			<b>32</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	
10	Tiếng Anh nâng cao 1		GENG0405	4	4	0	
11	Tiếng Anh nâng cao 2		GENG0406	4	4	0	
12	Tiếng Anh nâng cao 3		GENG0407	4	4	0	
13	Tiếng Anh nâng cao 4		GENG0408	4	4	0	
14	Tiếng Anh nâng cao 5		GENG0409	4	4	0	
15	Tiếng Anh nâng cao 6		GENG0410	4	4	0	
16	Tiếng Anh nâng cao 7		GENG0411	4	4	0	
17	Tiếng Anh nâng cao 8		GENG0412	4	4	0	
<b>7.1.4</b>	<b>Toán - Tin học</b>			<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	
18	Tin học đại cương		COMP1401	3	3	0	
<b>7.1.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>			<b>5</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	
19	Giáo dục thể chất 1		PEDU1201	2	0	2	
20	Chọn một trong các môn:						
	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)		PEDU1302	3	0	3	
	Giáo dục thể chất 2 (bơi)		PEDU1304	3	0	3	
	Giáo dục thể chất 2 (bóng đá)		PEDU1303	3	0	3	
<b>7.1.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>						
<b>7.2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>96</b>	<b>96</b>	<b>0</b>	
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở của khối ngành</b>			<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	
21	Chọn 01 trong 02 môn			2	2	0	
	21.1	Tư duy phản biện	BLAW1206	2	2	0	
	21.2	Logic học	ACCO1201	2	2	0	
22	Kinh tế vi mô 1 (*)		ECON1301	3	3	0	

<sup>1</sup> Quy định 02 tín chỉ là quy định tối thiểu, sinh viên có thể chọn 03 tín chỉ.

23	Kinh tế vĩ mô 1	ECON1302	3	3	0	
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	
24	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	3	0	
25	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	3	0	
26	Kỹ thuật xây dựng văn bản	BLAW2204	2	2	0	
27	Luật học so sánh	BLAW4201	2	2	0	
<b>7.2.3</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>28</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	
28	Luật hiến pháp	BLAW2301	3	3	0	
29	Luật hành chính	BLAW2302	3	3	0	
30	Luật hình sự	BLAW2305	3	3	0	
31	Luật dân sự 1	BLAW2304	3	3	0	
32	Luật dân sự 2	BLAW2306	3	3	0	
33	Luật hôn nhân gia đình	BLAW1203	2	2	0	
34	Luật tố tụng hình sự	BLAW1204	2	2	0	
35	Luật tố tụng dân sự	BLAW3302	3	3	0	
36	Công pháp quốc tế	BLAW3301	3	3	0	
37	Tư pháp quốc tế	BLAW3305	3	3	0	
<b>7.2.4</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>34</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	
<b>7.2.4.1</b>	<b>Phần bắt buộc</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
38	Luật thương mại 1 (Pháp luật về các loại hình thương nhân) (*)	BLAW1303	3	3	0	
39	Luật thương mại 2 (Pháp luật về hoạt động thương mại) (*)	BLAW3308	3	3	0	
40	Luật thương mại 3 (Phá sản và giải quyết tranh chấp) (*)	BLAW2202	2	2	0	
41	Luật lao động	BLAW2301	3	3	0	
42	Luật đất đai	BLAW3304	3	3	0	
43	Luật tài chính	BLAW1205	2	2	0	
44	Luật thuế	BLAW4308	3	3	0	
45	Luật ngân hàng	BLAW2203	2	2	0	
46	Luật thương mại quốc tế (*)	BLAW4301	3	3	0	
47	Luật sở hữu trí tuệ (*)	BLAW4304	3	3	0	
48	Luật cạnh tranh	BLAW4302	3	3	0	
<b>7.2.4.2</b>	<b>Phần tự chọn</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	
<b>Sinh viên chọn <u>tối thiểu</u> 4 tín chỉ trong số các học phần sau:</b>						
49	Luật môi trường	BLAW4207	2	2	0	
50	Luật đầu tư	BLAW4206	2	2	0	

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Luật kinh tế CLC

51	Luật kinh doanh bảo hiểm	BLAW4205	2	2	0	
52	Luật kinh doanh bất động sản	BLAW3201	2	2	0	
53	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BLAW4202	2	2	0	
54	Pháp luật về chứng khoán và thị trường CK	BLAW3202	2	2	0	
55	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng (*)	BLAW4208	2	2	0	
<b>7.2.5</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	
<b>7.2.5.1</b>	<b>Phần bắt buộc</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	
56	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0	
<b>7.2.5.2</b>	<b>Phần tự chọn</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	
<b>Sinh viên chọn tối thiểu 3 tín chỉ trong số các học phần sau:</b>						
57	Quản trị tài chính (*)	FINA4306	3	3	0	
58	Tài chính quốc tế	FINA3301	3	3	0	
59	Kế toán tài chính 1 (*)	ACCO2302	3	3	0	
60	Kiểm toán 1	ACCO3302	3	3	0	
61	Thanh toán quốc tế (*)	FINA3302	3	3	0	
62	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	3	0	
<b>7.2.6</b>	<b>Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	
64	<b>Thực tập tốt nghiệp (Internship)</b>	BLAW4499	4	0	4	
65	<b>Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis), hoặc thay thế bởi 6 tín chỉ từ những môn chọn ở mục 7.2.4.2 và/hoặc 7.2.5.2</b>	BLAW4699	6	6	0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>146</b>	<b>141</b>	<b>05</b>	

Ghi chú: (\*) Các môn học dự kiến tổ chức học bằng tiếng Anh. Tổng số tín chỉ theo quy định của đào tạo chất lượng cao.

## 8. Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ 1						
STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0	
2	Chọn 01 trong 02 môn		2	2	0	
	2.1 Tư duy phản biện	BLAW1206	2	2	0	
	2.2 Logic học	ACCO1201	2	2	0	
3	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	3	0	
4	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0	
5	Những NLCB của CN Mác - Lênin (phần 1)	POLI1201	2	2	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
HỌC KỲ 2						
STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Luật kinh tế CLC



			<b>TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>chú</b>
1	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0	
2	Chọn 1 trong 3 môn:		2	2	0	
	2.1 Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	3	0	
	2.2 Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2	0	
	2.3 Quản trị học	BADM1301	3	3	0	
3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	3	0	
4	Kinh tế vi mô 1	ECON1301	3	3	0	
5	Luật hiến pháp	BLAW2301	3	3	0	
6	Giáo dục thể chất 1 (2TC)	PEDU1201	2	0	2	
	Giáo dục quốc phòng (7TC)					
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	
<b>HỌC KỲ 3</b>						
<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mã môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>			<b>Ghi chú</b>
			<b>TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	
1	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0	
2	Kinh tế vĩ mô 1	ECON1302	3	3	0	
3	Luật dân sự 1	BLAW2304	3	3	0	
4	Những NLCB của CN Mác - Lênin (phần 2)	POLI2302	3	3	0	
5	Giáo dục thể chất 2 (3TC)		3	0	3	
<b>Tổng cộng</b>			<b>13</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	
<b>HỌC KỲ 4</b>						
<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mã môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>			<b>Ghi chú</b>
			<b>TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	
1	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0	
2	Luật dân sự 2	BLAW2306	3	3	0	
3	Luật hình sự	BLAW2305	3	3	0	
4	Luật hành chính	BLAW2302	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
<b>HỌC KỲ 5</b>						
<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mã môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>			<b>Ghi chú</b>
			<b>TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	
1	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0	
2	Luật tố tụng dân sự	BLAW3302	3	3	0	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0	
4	Luật tài chính	BLAW1205	2	2	0	
5	Luật thương mại 1 (Pháp luật về các loại hình thương nhân)	BLAW1303	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	
<b>HỌC KỲ 6</b>						
<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Mã môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>			<b>Ghi</b>

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Luật kinh tế CLC

			TC	LT	TH	chú	
1	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0		
2	Luật hôn nhân gia đình	BLAW1203	2	2	0		
3	Kỹ thuật xây dựng văn bản	BLAW2204	2	2	0		
4	Luật thương mại 2 (Pháp luật về hoạt động thương mại)	BLAW3308	3	3	0		
5	Luật đất đai	BLAW3304	3	3	0		
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>		
<b>HỌC KỲ 7</b>							
STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú	
			TC	LT	TH		
1	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0		
2	Luật tố tụng hình sự	BLAW1204	2	2	0		
3	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	POLI2301	3	3	0		
4	Luật thương mại 3 (Phá sản và giải quyết tranh chấp)	BLAW2202	2	2	0		
5	Luật ngân hàng	BLAW2203	2	2	0		
6	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1		
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>13</b>	<b>1</b>		
<b>HỌC KỲ 8</b>							
STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú	
			TC	LT	TH		
1	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0		
2	Luật lao động	BLAW2301	3	3	0		
3	<i>Môn bổ trợ tự chọn</i>		3	3	0		
4	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0		
5	Môn chuyên ngành tự chọn 1		2	2	0		
	<i>Chọn 1 trong 3 môn sau:</i>						
	4.1	Luật môi trường	BLAW4207	2	2		0
	4.2	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BLAW4202	2	2		0
	4.3	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	BLAW4208	2	2		0
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>		
<b>HỌC KỲ 9</b>							
STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú	
			TC	LT	TH		
1	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0		
2	Công pháp quốc tế	BLAW3301	3	3	0		
3	Luật cạnh tranh	BLAW4302	3	3	0		
4	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW4304	3	3	0		
5	Môn chuyên ngành tự chọn 2		2	2	0		

	<i>Chọn 1 trong 2 môn sau:</i>					
5.1	<i>Luật kinh doanh bất động sản</i>	BLAW3201	2	2	0	
5.2	<i>Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</i>	BLAW3202	2	2	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	
<b>HỌC KỲ 10</b>						
STT	Tên môn học		Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1	Tư pháp quốc tế	BLAW3305	3	3	0	
2	Luật thương mại quốc tế	BLAW4301	3	3	0	
3	Luật học so sánh	BLAW4201	2	2	0	
4	Luật thuế	BLAW4308	3	3	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	
<b>HỌC KỲ 11</b>						
STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1	<b>Thực tập tốt nghiệp (Internship)</b>	BLAW4499	4	0	4	
2	<b>Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis)</b> hoặc thay thế bởi 6 tín chỉ từ những môn chọn ở mục 7.2.4.2 và/hoặc 7.2.5.2	BLAW4699	6	0	6	
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 9.1. Tiết giảng quy đổi

- 01 tín chỉ (tc) = 15 tiết học lý thuyết, trong đó có 12 tiết giảng trên lớp và 03 tiết phụ đạo (tutoring)
- = 30 - 45 tiết thảo luận
- = 30 giờ chuẩn bị cá nhân
- = 40 - 90 giờ thực tập tại cơ sở
- = 45 - 60 giờ làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp

### 9.2. Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ khoa học Luật học.

### 9.3. Xây dựng đề cương chi tiết các học phần

Dựa vào chương trình trên, giảng viên của Trường tổ chức biên soạn chương trình chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh với một số điểm cần lưu ý:

*Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Luật kinh tế CLC*

Việc triển khai chi tiết các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo;

Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các học phần còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của học phần. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng học phần tự học của khối kiến thức tương ứng;

Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhập và hội nhập;

Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các học phần do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

Tất cả các học phần đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các học phần, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

#### **9.4. Định hướng phương pháp dạy học**

Chương trình được biên soạn theo hướng dẫn đổi mới các phương pháp dạy và học đại học, trong đó tăng thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận theo nhóm, làm các bài tập và thực tập;

Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 4,0 năm.

#### **9.5. Định hướng đánh giá**

Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

Tổ chức thi học phần theo hình thức: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số tiết thi, kiểm tra kết thúc học phần nằm trong tổng thể thời gian quy định cho học phần.

#### **9.6. Đối với các môn tiếng Anh**

– Sinh viên sau khi trúng tuyển và nhập học, sinh viên sẽ phải thi kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu vào để xác định học mức độ tiếng Anh phù hợp.

- Miễn, giảm môn học Tiếng Anh thực hiện theo quy định của Nhà trường.
- Chuẩn đầu ra Tiếng Anh: tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

### **9.7. Tốt nghiệp**

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận khi hội đủ điều kiện tại **“Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ”** ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 08 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và quy định của Khoa.

#### **9.7.1. Tốt nghiệp với khóa luận tốt nghiệp**

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- Có điểm trung bình chung học tập đạt từ 7,5 trở lên và báo cáo thực tập đạt từ 8 điểm trở lên;
- Có sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn để làm khóa luận tốt nghiệp.

#### **9.7.2. Tốt nghiệp với các môn học tích lũy thay thế khóa luận**

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ. Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp được chọn trong phần 7.2.2.2 và không được chọn trùng với 10 tín chỉ môn học tự chọn ở phần kiến thức chuyên sâu tự chọn.

### **10. Đề cương chi tiết các học phần (đính kèm phụ lục 1)**

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Phúc**

